

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HN - ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Khen

2. Ông Lê Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2020/TLST -HNGB ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “ ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST - HN ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc O, sinh năm 1980 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 64/4 ấp AT, xã AB, huyện LH, Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2020 và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc O trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh B sống chung từ năm 1997, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung đến năm 2017 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do anh B không chăm lo gia đình chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, số đề dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, nên chị O bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do anh B hoàn toàn không chăm lo gia đình, ăn chơi cờ bạc ngày càng nhiều, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, vì vậy chị O yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 15/7/1999; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/9/2008. Cháu Tuấn T hiện nay đã trưởng thành, tự lo bản thân, chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T hiện do chị O đang nuôi dưỡng, khi ly hôn, chị O yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không tranh chấp, không cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị O .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện còn đăng ký thường trú tại xã An Bình, huyện Long Hồ. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh B được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh B theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 43/2008, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã An Bình cấp ngày 08/5/2008 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh B đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng do anh B không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân của chị O và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B không tham gia, cũng không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị O, nên không có khả năng hàn gắn. Vì vậy yêu cầu ly hôn của O đối với anh B là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị O được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị O yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/9/2008 là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, cháu T cũng có nguyện sống với chị O, anh B không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi con của chị O. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Thanh T cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị O không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị O khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị O phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Ngọc O được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 03/9/2008 cho chị Phạm Thị Ngọc O tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị O không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Ngọc O nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005687 ngày 22/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị O được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú